ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC

Số: 635 /ĐHYD-ĐT
V/v Công khai danh sách đủ điều kiện trúng tuyển đại học ngành Y khoa phương thức xét tuyển thẳng theo Đề án của Trường

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 21 tháng 7 năm 2022

Kính gửi:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Đại học Thái Nguyên.

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non;

Căn cứ Quyết định số 1683/QĐ-BGDĐT ngày 17 tháng 6 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc phê duyệt Kế hoạch triển khai công tác tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non năm 2022;

Căn cứ Kế hoạch số 524/ĐHYD-ĐT ngày 17 tháng 6 năm 2022 của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về Kế hoạch triển khai công tác tuyển sinh đại học năm 2022;

Căn cứ Biên bản ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng tuyển sinh đại học năm 2022.

Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên đã thực hiện công khai danh sách thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển đại học ngành Y khoa năm 2022 phương thức xét tuyển thẳng theo Đề án của Trường trên trang thông tin điện tử của Trường tại địa chỉ: http://tuyensinh.tump.edu.vn/article/de-an-tuyen-sinh-dai-hoc-nam-2022 và báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo, Đại học Thái Nguyên *(danh sách kèm theo)*.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như k/g;
- Đăng website Trường;
- Lưu VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y-DƯỢC
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

PGS.TS. Nguyễn Tiến Dũng

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN ĐẠI HỌC NĂM 2022

PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN THẲNG THEO ĐỀ ÁN CỦA TRƯỜNG (Mã phương thức xét tuyển: 303)

(Kèm theo Công văn số 635/ĐHYD-ĐT ngày 21 tháng 7 năm 2022)

1. Nhóm đối tượng 1

TT	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Số CCCD	Nơi học THPT	Năm TNTHPT	Môn đoạt giải	Loại giải	ĐTBCN lớp 12 Toán (môn chính)	Đủ điều kiện trúng tuyển	Không đủ điều kiện trúng tuyển
1	Ninh Duy Sơn	Anh	Nam	20/6/2004	017204009778	THPT Chuyên Hoàng Văn Thụ	2022	Sinh học	Nhì	9,9	x	
2	Nguyễn Minh	Anh	Nữ	14/5/2004	026304005371	THPT Trần Nguyên Hãn	2022	Sinh học	Nhì	8,1		x
3	Dương Đức	Anh	Nam	23/9/2004	019204001928	THPT Lương Ngọc Quyến	2022	Hóa học	Nhì	8,8		x
4	Nguyễn Mai	Anh	Nữ	20/5/2004	001304041545	THPT Trung Giã	2022	Sinh học	Nhì	9,5	x	
5	Trần Thị Kiều	Anh	Nữ	13/6/2004	034304001965	THPT Hưng Nhân	2022	Sinh học	Ba	9,8		x
6	Nguyễn Linh	Anh	Nữ	22/02/2004	008304000216	THPT Chuyên Tuyên Quang	2022	Sinh học	Ba	7,5		x
7	Nguyễn Lê Ngọc	Anh	Nữ	13/02/2004	022304001917	THPT Cẩm Phả	2022	Hóa học	Ba	9,0		x
8	Đỗ Thị Phương	Anh	Nữ	25/8/2004	027304000831	THPT Thuận Thành số 2, Bắc Ninh	2022	Sinh học	Ba	8,3		x
9	Trần Thị Ngọc	Ân	Nữ	04/4/2004	033304012568	THPT Mộc Ly, Mộc Châu Sơn La	2022	Sinh học	Nhì	8,7		x
10	Nguyễn Quang	Bách	Nam	09/8/2004	024204006633	THPT Bố Hạ	2022	Sinh học	Nhì	9,1		x
11	Nguyễn Đăng Ngọc	Bảo	Nam	20/10/2004	001204021897	THPT Đan Phượng, Hà Nội	2022	Sinh học	KK Quốc gia	9,3	x	

TT	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Số CCCD	Nơi học THPT	Năm TNTHPT	Môn đoạt giải	Loại giải	ĐTBCN lớp 12 Toán (môn chính)	Đủ điều kiện trúng tuyển	Không đủ điều kiện trúng tuyển
12	Nguyễn Mai	Chi	Nữ	14/4/2004	019304001568	THPT Chu Văn An, Thái Nguyên	2022	Toán	Nhì	9,9	x	
13	Chu Thị	Chinh	Nữ	14/12/2004	019304002573	THPT Sông Công	2022	Sinh học	Ba	9,1		x
14	Nguyễn Vũ Khánh	Duy	Nam	10/8/2004	019204000861	THPT Chuyên Thái Nguyên	2022	Hóa học	Nhì	9,3		x
15	Bùi Thị Mỹ	Duyên	Nữ	19/5/2004	025304012123	THPT Long Châu Sa	2022	Sinh học	Nhất	9,5	x	
16	Võ Trí	Đạt	Nam	09/12/2004	008204000176	THPT Chuyên Tuyên Quang	2022	Sinh học	Ba	7,8		x
17	Nguyễn Tiến	Đạt	Nam	25/12/2004	019204000589	THPT Đồng Hỷ	2022	Sinh học	Ba	9,2		x
18	Nguyễn Hữu	Đẳng	Nam	23/10/2004	027204000632	THPT Thuận Thành số 2, Bắc Ninh	2022	Toán	Ba	9,4		x
19	Trần Anh	Đức	Nam	20/12/2004	034204011995	THPT Chuyên Sơn La	2022	Hóa học	Nhì	8,7		x
20	Đỗ Thanh	Hà	Nữ	22/3/2004	017304004569	THPT Chuyên Hoàng Văn Thụ	2022	Sinh học	Ba	8,9		x
21	Vũ Minh	Hạnh	Nữ	09/01/2004	022304001146	THPT Uông Bí	2022	Sinh học	Ba	8,9		x
22	Tuấn Thị Thanh	Hiền	Nữ	28/3/2004	017304006328	THPT Chuyên Hoàng Văn Thụ	2022	Sinh học	Nhì	9,1		x
23	Đinh Thị Phương	Hoa	Nữ	12/12/2004	017304007784	THPT Chuyên Hoàng Văn Thụ	2022	Sinh học	Nhì	9,6	x	
24	Nguyễn Hữu	Hoàng	Nam	19/12/2004	019204000533	THPT Vùng Cao Việt Bắc	2022	Sinh học	Nhì	8,6		x
25	Lê Việt	Hoàng	Nam	24/12/2004	015204002105	THPT Chuyên Nguyễn Tất Thành	2022	Sinh học	Ba	8,7		x

TT	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Số CCCD	Nơi học THPT	Năm TNTHPT	Môn đoạt giải	Loại giải	ĐTBCN lớp 12 Toán (môn chính)	Đủ điều kiện trúng tuyển	Không đủ điều kiện trúng tuyển
26	Trần Quốc	Huy	Nam	24/5/2004	027204006051	THPT Quế Võ số 1	2022	Sinh học	Nhì	9,9	x	
27	Nguyễn Trần Gia	Huy	Nam	31/10/2004	027204003593	THPT Tiên Du số 1	2022	Sinh học	Ba	8,3		x
28	Trần Ngọc	Huyền	Nữ	16/9/2004	025304009159	THPT Thanh Thủy, Phú Thọ	2022	Sinh học	Nhất	9,3	x	
29	Lê Ánh	Huyền	Nữ	20/12/2004	022304002831	THPT Hòn Gai	2022	Sinh học	Ba	8,1		x
30	Nguyễn Khánh	Huyền	Nữ	22/01/2004	017304005543	THPT Lương Sơn	2022	Sinh học	Ba	8,1		x
31	Nguyễn Quang Trung	Kiên	Nam	05/9/2004	001204006002	THPT Hoài Đức A	2022	Hóa học	Nhì	9,5	x	
32	Ngô Thị	Khuê	Nữ	28/7/2004	027304003931	THPT Tiên Du số 1	2022	Sinh học	Nhì	8,8		x
33	Bùi Khánh	Linh	Nữ	03/9/2004	017304004058	THPT Chuyên Hoàng Văn Thụ	2022	Sinh học	Nhì	9,0		x
34	Ngô Phương	Linh	Nữ	22/10/2004	001304024309	THPT Lương Ngọc Quyến, Thái Nguyên	2022	Sinh học	Nhì	9,2		x
35	Phan Thùy	Linh	Nữ	06/02/2004	024304006500	THPT Sơn Động số 1	2022	Hóa học	Nhì	8,7		x
36	Nguyễn Khánh	Linh	Nữ	24/4/2004	031304005186	THPT Lê Quý Đôn	2022	Sinh học	Nhì	9,5	x	
37	Nguyễn Khánh	Linh	Nữ	14/12/2004	027304008629	THPT Quế Võ số 1	2022	Sinh học	Nhì	9,9	x	
38	Đào Trần Giao	Linh	Nữ	02/6/2004	017304000162	THPT Tân Lạc	2022	Sinh học	Nhì	8,8		x
39	Nguyễn Hoàng Bảo	Long	Nam	29/7/2004	014204001955	THPT Chuyên Sơn La	2022	Sinh học	Ba	8,1		x

TT	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Số CCCD	Nơi học THPT	Năm TNTHPT	Môn đoạt giải	Loại giải	ĐTBCN lớp 12 Toán (môn chính)	Đủ điều kiện trúng tuyển	Không đủ điều kiện trúng tuyển
40	Nông Tiến	Mạnh	Nam	07/4/2004	011204000085	THPT Chuyên Lê Quý Đôn	2022	Sinh học	Ba	7,6		x
41	Phạm Trà	My	Nữ	04/9/2004	025304001994	THPT Đoan Hùng	2022	Sinh học	Ba	8,3		x
42	Chu Ngọc	Nam	Nam	20/02/2004	025204009667	THPT Vĩnh Chân	2022	Sinh học	Nhất	8,6	x	
43	Nguyễn Hải	Nam	Nam	03/3/2004	024204007617	THPT Ngô Sỹ Liên	2022	Sinh học	Nhì	8,8		x
44	Nguyễn Phương	Nga	Nữ	19/9/2004	027304008880	THPT Quế Võ số 3	2022	Toán	Nhì	8,9		x
45	Phạm Thu	Nga	Nữ	30/7/2004	010304007383	THPT sốố 1 Bảo Yên	2022	Sinh học	Nhì	8,7		x
46	Đỗ Thị Kim	Ngân	Nữ	23/10/2004	025304011852	THPT Thanh Thủy, Phú Thọ	2022	Hóa học	Nhì	9,4		x
47	Vũ Thị Thùy	Ngân	Nữ	06/3/2004	034304004773	THPT Phụ Dực	2022	Sinh học	Ba	9,5		x
48	Đoàn Thị Chung	Ngân	Nữ	13/01/2004	024304013573	THPT Việt Yên số 1	2022	Hóa học	Ba	9,3		x
49	Uông Hồng	Ngọc	Nữ	06/3/2004	022304000800	THPT Uông Bí	2022	Sinh học	Nhì	9,7	x	
50	Vũ Thị	Ngọc	Nữ	15/12/2004	015304007653	THPT Chuyên Nguyễn Tất Thành	2022	Sinh học	Nhì	8,8		x
51	Vũ Bích	Ngọc	Nữ	03/12/2004	020304007235	THPT Lộc Bình	2022	Hóa học	Ba	9,2		x
52	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	Nữ	04/10/2004	027304009258	THPT Lý Thường Kiệt	2022	Sinh học	Ba	8,2		x
53	Vũ Ngọc Yến	Nhi	Nữ	22/6/2004	038304016721	THPT Đào Duy Từ	2022	Hóa học	Ba	9,6		x

TT	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Số CCCD	Nơi học THPT	Năm TNTHPT	Môn đoạt giải	Loại giải	ĐTBCN lớp 12 Toán (môn chính)	Đủ điều kiện trúng tuyển	Không đủ điều kiện trúng tuyển
54	Vũ Thị	Nhung	Nữ	02/01/2004	027304003129	THPT Tiên Du số 1	2022	Sinh học	Nhì	8,9		x
55	Nguyễn Thị Mai	Oanh	Nữ	02/9/2004	001304013120	THPT Đan Phượng, Hà Nội	2022	Sinh học	Ba	8,4		x
56	Lê Minh	Phú	Nam	03/01/2004	030204007692	THPT Thanh Hà	2022	Toán	Ba	9,7		x
57	Từ Nghĩa Hồng	Phúc	Nam	18/12/2004	022204000491	THPT Chuyên Hạ Long	2022	Sinh học	KK Quốc gia	9,7	x	
58	Trần Việt	Phương	Nữ	20/7/2004	019304000868	THPT Chuyên Thái Nguyên	2022	Hóa học	Nhất	9,6	x	
59	Lê Thị Hà	Phương	Nữ	18/09/2004	033304002088	THPT Văn Lâm	2022	Sinh học	Ba	9,2		x
60	Bùi Thục	Quyên	Nữ	01/4/2004	040304005725	THPT Thái Hòa, Nghệ An	2022	Sinh học	Ba	9,7		x
61	Nguyễn Xuân	Quyến	Nam	12/10/2004	015204008343	THPT Chuyên Nguyễn Tất Thành	2022	Sinh học	Nhì	9,4		x
62	Lê Trần Thái	Sơn	Nam	15/10/2004	014204000810	THPT Yên Châu	2022	Sinh học	Nhất	8,5	x	
63	Ma Ngọc	Tùng	Nam	24/4/2004	019204000780	THPT Chuyên Thái Nguyên	2022	Sinh học	KK Quốc gia	8,8	x	
64	Nguyễn Phương	Thanh	Nữ	07/8/2004	022304003847	THPT Hoàng Văn Thụ, Quảng Ninh	2022	Sinh học	Ba	9,1		x
65	Phạm Phương	Thảo	Nữ	04/12/2004	025304002031	THPT Thanh Thủy, Phú Thọ	2022	Hóa học	Nhì	9,4		x
66	Hoàng Đức	Thịnh	Nam	01/01/2004	035204002473	THPT A Phủ Lý	2022	Sinh học	Ba	8,6		x
67	Đoàn Anh	Thơ	Nữ	27/01/2004	034304006175	THPT Vũ Tiên	2022	Hóa học + Sinh học	Ba	9,4		x

TT	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Số CCCD	Nơi học THPT	Năm TNTHPT	Môn đoạt giải	Loại giải	ĐTBCN lớp 12 Toán (môn chính)	Đủ điều kiện trúng tuyển	Không đủ điều kiện trúng tuyển
68	Phạm Anh	Thùy	Nữ	20/02/2004	033304004804	THPT Chuyên Hưng Yên	2022	Toán	Nhì	9,8	x	
69	Đỗ Thị Minh	Thư	Nữ	06/8/2004	034304011183	THPT Tông Lệnh	2022	Sinh học	Nhất	8,9	x	
70	Phạm Mai	Thương	Nữ	22/9/2004	017304007734	THPT Lương Sơn	2022	Sinh học	Nhất	7,5	x	
71	Trần Thị Thu	Trang	Nữ	02/10/2004	034304006152	THPT Vũ Tiên	2022	Sinh học	Nhì	8,7		x
72	Lý Bảo	Trâm	Nữ	05/11/2004	010304001645	THPT số 1 Bắc Hà, Lào Cai	2022	Sinh học	Ba	7,3		x
73	Phạm Thọ	Trường	Nam	05/05/2004	034204002046	THPT Bắc Đông Quan, Thái Bình	2022	Sinh học	Nhì	9,6	x	
74	Nguyễn Thị Thu	Uyên	Nữ	24/9/2004	024304000553	THPT Yên Dũng số 3	2022	Sinh học	Nhì	8,8		x
75	Đặng Quang	Vinh	Nam	23/7/2004	008204000162	THPT Chuyên Tuyên Quang	2022	Sinh học	Nhì	8,1		x

Ấn định danh sách: 75 thí sinh.

2. Nhóm đối tượng 2

TT	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Số CCCD	Nơi học THPT	Năm TNTHPT	Điểm IELTS	ĐTBCN lớp 12 Toán	Đủ điều kiện trúng tuyển	Không điều kiện trúng tuyển
1	Trần Thúy	An	Nữ	07/9/2004	019304000036	THPT Lê Quý Đôn, Bà Rịa - Vũng Tàu	2022	7,0	8,1		x
2	Nguyễn Duy	Anh	Nam	26/12/2004	031204001561	THPT Trần Nguyên Hãn, Lê Chân, Hải Phòng	2022	8,0	8,7	x	
3	Lê Trần Việt	Anh	Nam	03/12/2004	001204017145	THPT Chuyên KHTN, Thanh Xuân, Hà Nội	2022	7,0	9,8	x	
4	Trịnh Duy	Anh	Nam	23/3/2004	001204025124	THPT Chuyên KHTN, Thanh Xuân, Hà Nội	2022	7,0	9,7		x
5	Phạm Mai	Anh	Nữ	05/12/2004	001304031490	THPT Việt Đức, Hoàn Kiếm, Hà Nội	2022	7,0	8,6		x
6	Nguyễn Bùi Ngọc	Anh	Nữ	26/9/2004	068304007153	THPT Chuyên Bảo Lộc, Lâm Đồng	2022	6,5	9,4		x
7	Vũ Hiền	Anh	Nữ	06/10/2004	001304041631	THPT Chuyên ĐHSP, Hà Nội	2022	6,5	9,4		x
8	Phạm Quỳnh	Anh	Nữ	18/10/2004	001304016010	THPT Đào Duy Từ, Thanh Xuân, Hà Nội	2022	6,5	9,0		x
9	Trần Nam	Anh	Nam	19/3/2004	019204004985	THPT Gang Thép, Thái Nguyên	2022	6,0	9,6		x
10	Nguyễn Phan Minh	Anh	Nữ	03/12/2004	001304016992	THPT Chuyên KHTN, Thanh Xuân, Hà Nội	2022	6,0	8,5		x
11	Phạm Thị Ngọc	Ánh	Nữ	12/12/2004	034304001514	THPT Nguyễn Đức Cảnh, Kỳ Bá, TP Thái Bình	2022	5,5	8,4		x
12	Nguyễn Tiến	Cường	Nam	22/11/2004	001204011964	THPT Chuyên ĐHSP Hà Nội	2022	6,0	9,3		x
13	Hoàng Bảo	Châu	Nữ	08/11/2004	019304000795	THPT Chuyên Thái Nguyên	2022	7,5	9,4	x	
14	Lê Minh	Châu	Nữ	08/11/2004	001304010676	THPT Chuyên KHTN, Thanh Xuân, Hà Nội	2022	7,0	8,9		x
15	Nguyễn Lan	Chi	Nữ	30/8/2004	019304000830	THPT Chuyên Thái Nguyên	2022	7,0	8,4		x
16	Đặng Nhân	Chính	Nam	19/09/2004	035204000094	THPT Nguyễn Trãi, Ba Đình, Hà Nội	2022	7,0	9,1		x
17	Đoàn Anh	Dũng	Nam	15/09/2004	022204003044	THPT Chuyên, Hạ Long, Quảng Ninh	2022	6,5	9,2		x

TT	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Số CCCD	Nơi học THPT	Năm TNTHPT	Điểm IELTS	ĐTBCN lớp 12 Toán	Đủ điều kiện trúng tuyển	Không điều kiện trúng tuyển
18	Trần Dương Khánh	Duy	Nam	21/8/2004	019204000874	THPT Chuyên Thái Nguyên	2022	6,5	9,3		x
19	Nghiêm Thùy	Dương	Nữ	20/7/2004	001304016606	THPT Chuyên Hà Nội Amsterdam	2022	6,5	9,7		x
20	Nguyễn Lâm Minh	Đức	Nam	25/9/2004	019204006294	THPT Vùng Cao Việt Bắc, Thái Nguyên	2022	7,5	9,1	x	
21	Nguyễn Minh	Đức	Nam	09/12/2004	001204022176	THPT Quang Trung, Đống Đa, Hà Nội	2022	5,5	8,3		x
22	Lý Hoàng	Hà	Nam	26/02/2004	019204007993	THPT Lương Ngọc Quyến, Thái Nguyên	2022	6,0	8,4		x
23	Ngô Văn	Hải	Nam	06/8/2004	001204003292	THPT Thạch Bàn, Long Biên, Hà Nội	2022	7,0	8,9		x
24	Phạm Mai	Hạnh	Nữ	12/03/2003	001303003770	THPT Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội	2021	6,5	9,4		x
25	Đàm Diệu	Hảo	Nữ	06/09/2004	019304000876	THPT Lương Ngọc Quyến, TP Thái Nguyên	2022	6,0	9,3		x
26	Hoàng Thu	Hằng	Nữ	16/10/2004	001304012209	THPT Chuyên KHTN, Thanh Xuân, Hà Nội	2022	6,5	9,9		x
27	Phan Quang	Hiển	Nam	08/6/2004	040204024220	THPT Chuyên Đại học Vinh	2022	7,0	9,8	x	
28	Nguyễn Thanh	Hiền	Nữ	01/10/2004	019304000869	THPT Chuyên Thái Nguyên	2022	5,5	8,2		x
29	Lưu Quang	Hiệp	Nam	21/10/2004	033204009918	THPT Chuyên Hưng Yên	2022	6,0	9,3		x
30	Lê Minh	Hiếu	Nam	13/10/2004	011204000064	THPT Chuyên Lê Quý Đôn, Điện Biên	2022	7,0	9,2		x
31	Dương Minh	Hiếu	Nam	13/12/2004	019204009241	THPT Phú Bình, Thái Nguyên	2022	6,5	8,5		x
32	Trương Quế	Hoa	Nữ	02/07/2004	019304006561	THPT Đào Duy Từ, Thái Nguyên	2022	6,0	9,0		x
33	Nguyễn Hữu	Hoàng	Nam	19/12/2004	019204000533	THPT Vùng Cao Việt Bắc, Thái Nguyên	2022	7,0	8,6		x
34	Nguyễn Minh	Hoàng	Nam	28/12/2003	020203000023	THPT Chuyên Nguyễn Huệ, Hà Đông, Hà Nội	2021	6,0	9,6		x
35	Nguyễn Phúc	Hưng	Nam	13/5/2004	037204003673	THPT Chuyên Lương Văn Tụy, Ninh Bình	2022	8,0	9,6	x	
36	Đỗ Quỳnh	Hương	Nữ	08/11/2004	019304000885	THPT Chuyên Thái Nguyên	2022	7,0	9,5		x

TT	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Số CCCD	Nơi học THPT	Năm TNTHPT	Điểm IELTS	ĐTBCN lớp 12 Toán	Đủ điều kiện trúng tuyển	Không điều kiện trúng tuyển
37	Nguyễn Trần	Kiên	Nam	26/10/2004	001204027769	THPT Chuyên Nguyễn Huệ, Hà Đông, Hà Nội	2022	6,5	9,7		x
38	Dương Thế	Khải	Nam	04/01/2004	024204007319	THPT Chuyên Bắc Giang	2022	7,0	9,4		x
39	Nguyễn Đức	Khải	Nam	16/4/2004	001204021745	THPT Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội	2022	5,5	9,2		x
40	Nguyễn Hạnh Minh	Khanh	Nữ	10/7/2004	001304002164	THPT Chuyên KHTN, Thanh Xuân, Hà Nội	2022	5,5	9,3		x
41	Đặng Gia	Khánh	Nam	12/01/2004	019204001937	THPT Lương Ngọc Quyến, Thái Nguyên	2022	7,0	9,2		x
42	Chu Hồng	Khánh	Nam	14/4/2004	019204000009	THPT Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội	2022	6,5	8,8		x
43	Phạm Ngọc	Khánh	Nam	01/6/2004	022204001979	THPT Chuyên Hạ Long, Quảng Ninh	2022	6,5	8,3		x
44	Dương Minh	Khuê	Nữ	06/01/2003	001303037426	THPT Chuyên KHTN, Thanh Xuân, Hà Nội	2021	6,5	9,0		x
45	Nguyễn Khắc	Lân	Nam	19/01/2004	033204000141	THCS&THPT Vinschool The Harmony, Long Biên, Hà Nội	2022	7,5	8,7	x	
46	Bạch Nhật	Linh	Nữ	05/12/2004	001304011175	THPT Chuyên KHTN, Thanh Xuân, Hà Nội	2022	8,0	9,1	x	
47	Ngô Khánh	Linh	Nữ	25/10/2003	001303027056	THPT Trần Hưng Đạo, Thanh Xuân, Hà Nội	2021	7,5	8,5	x	
48	Phạm Phương	Linh	Nữ	17/8/2004	034304000375	THPT Chuyên Thái Bình	2022	7,0	9,5		x
49	Phạm Mai	Linh	Nữ	06/02/2004	036304000124	THPT Chuyên Ngoại ngữ, ĐHNN, ĐHQG Cầu Giấy, Hà Nội	2022	7,0	9,3		x
50	Đặng Hải	Linh	Nữ	14/02/2004	001304009667	THPT Chuyên ĐHSP Hà Nội	2022	7,0	8,9		x
51	Vũ Thị Khánh	Linh	Nữ	21/6/2004	034304000357	THPT Nguyễn Đức Cảnh, Kỳ Bá, TP Thái Bình	2022	6,5	9,0		x
52	Quách Hương	Linh	Nữ	10/07/2004	155304000005	THPT Chuyên ĐHSP Hà Nội	2022	6,0	9,6		x
53	Nguyễn Hoàng	Long	Nam	17/01/2004	022204001205	THPT Chuyên Hạ Long, Quảng Ninh	2022	6,5	9,7		x
54	Nguyễn Ngọc Hương	Ly	Nữ	01/04/2004	001304020796	THPT Chuyên KHTN, Thanh Xuân, Hà Nội	2022	7,0	8,6		x
55	Trần Khánh	Ly	Nữ	20/7/2004	036304013973	THPT Trần Hưng Đạo, TP Nam Định	2022	5,5	8,2		x

TT	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Số CCCD	Nơi học THPT	Năm TNTHPT	Điểm IELTS	ĐTBCN lớp 12 Toán	Đủ điều kiện trúng tuyển	Không điều kiện trúng tuyển
56	Vũ Ngọc	Mai	Nữ	24/6/2004	001304003053	THPT Cầu Giấy, Hà Nội	2022	7,0	9,0		x
57	Nguyễn Phạm Ngọc	Mai	Nữ	28/11/2004	019304000130	THPT Nguyễn Gia Thiều, Long Biên, Hà Nội	2022	6,0	8,5		x
58	Bùi Tuấn	Minh	Nam	22/11/2003	001203020908	THCS&THPT Nguyễn Tất Thành, Cầu Giấy, Hà Nội	2021	7,5	9,3	x	
59	Nguyễn Đức	Minh	Nam	11/9/2004	031204004218	THPT Chuyên KHTN, Thanh Xuân, Hà Nội	2022	7,5	9,3	x	
60	Đào Tuấn	Minh	Nam	31/12/2004	036204002338	THPT Trần Hưng Đạo, Lộc Vượng, Nam Định	2022	7,5	9,0	x	
61	Lê Ngọc	Minh	Nam	05/8/2004	036204001668	THPT Chuyên ĐHSP, Cầu Giấy, Hà Nội	2022	7,5	9,0	x	
62	Đặng Đức	Minh	Nam	26/10/2004	001204019178	THPT Thăng Long, Hai Bà Trưng, Hà Nội	2022	7,0	8,7		x
63	Nguyễn Đức	Minh	Nam	23/3/2004	034204000398	THPT Nguyễn Đức Cảnh, Kỳ Bá, TP Thái Bình	2022	6,5	9,4		x
64	Ngô Ngọc	Minh	Nữ	05/08/2004	001304020243	THPT Đông Anh, Hà Nội	2022	6,5	8,9		x
65	Nguyễn Anh	Minh	Nam	23/11/2004	001204012187	THPT Nguyễn Gia Thiều, Long Biên, Hà Nội	2022	6,5	8,5		x
66	Lã Ngọc	Minh	Nam	03/12/2004	001204023066	THPT H.A.S, Đống Đa, Hà Nội	2022	6,0	9,2		x
67	Lê Hồng	Nam	Nam	20/5/2003	026203006013	THPT Trần Phú, Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc	2021	6,0	8,7		x
68	Ngô Bảo	Ngân	Nữ	29/5/2004	079304000154	THPT Phan Đình Phùng, Ba Đình, Hà Nội	2022	6,5	8,9		x
69	Lê Bảo	Ngân	Nữ	15/4/2004	001304021584	THPT Chuyên KHTN, Thanh Xuân, Hà Nội	2022	6,5	8,7		x
70	Hoàng Đại	Nghĩa	Nam	29/04/2002	001202034457	THPT Chuyên KHTN, Thanh Xuân, Hà Nội	2020	6,5	8,2		x
71	Nguyễn Đình	Nghĩa	Nam	21/11/2004	019204000450	THPT Đào Duy Từ, Thái Nguyên	2022	5,5	9,8		x
72	Nguyễn Lan	Ngọc	Nữ	12/5/2003	001303009151	THPT Chuyên KHTN, Thanh Xuân, Hà Nội	2021	7,5	9,1	x	
73	Ngô Bảo	Ngọc	Nữ	29/5/2004	079304000153	THPT Phan Đình Phùng, Ba Đình, Hà Nội	2022	6,5	9,0		x
74	Đặng Hồng	Ngọc	Nữ	30/8/2003	019303000250	THPT Võ Nhai, Lâu Thượng, Thái Nguyên	2021	6,0	9,2		x

TT	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Số CCCD	Nơi học THPT	Năm TNTHPT	Điểm IELTS	ĐTBCN lớp 12 Toán	Đủ điều kiện trúng tuyển	Không điều kiện trúng tuyển
75	Lê Ngọc Khôi	Nguyên	Nam	21/06/2004	034204000081	THPT Chuyên Nguyễn Huệ, Hà Đông, Hà Nội	2022	7,0	9,8	x	
76	Phạm Hạnh	Nguyên	Nữ	25/03/2004	036304000115	THPT Chu Văn An, Tây Hồ, Hà Nội	2022	6,0	8,9		x
77	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	Nữ	07/8/2004	036304010237	THPT Tống Văn Trân, Ý Yên, Nam Định	2022	5,5	9,2		x
78	Bùi Yến	Nhi	Nữ	03/04/2004	040304000255	THPT Chuyên ĐHSP, Cầu Giấy, Hà Nội	2022	7,0	9,8	x	
79	Đinh Quỳnh	Nhi	Nữ	19/04/2004	001304021444	THPT Vinschool, Hai bà Trưng, Hà Nội	2022	5,5	9,1		x
80	Đặng Thị Hồng	Nhung	Nữ	31/3/2004	022304000352	THPT Bạch Đằng, Thủy Nguyên, Hải Phòng	2022	5,5	9,5		x
81	Lê Nguyên	Phương	Nam	27/11/2004	001204012900	THPT Thăng Long, Hai Bà Trưng, Hà Nội	2022	7,5	9,2	x	
82	Mai Tuyên	Quang	Nam	11/6/2004	008204000029	THPT Chuyên KHTN, Thanh Xuân, Hà Nội	2022	8,0	9,3	x	
83	Phạm Minh	Quang	Nam	11/02/2004	036204004052	THPT Trần Hưng Đạo, Nam Định	2022	6,5	9,7		x
84	Phí Minh	Quân	Nam	16/11/2004	019204000172	THCS&THPT Vinschool The Harmony, Long Biên, Hà Nội	2022	6,0	7,8		x
85	Tạ Bình	Tâm	Nam	25/05/2004	001204002477	THPT Phạm Hồng Thái, Ba Đình, Hà Nội	2022	7,5	9,1	x	
86	Dương Minh	Thắng	Nam	26/02/2004	001204000460	THPT Chuyên Nguyễn Huệ, Hà Đông, Hà Nội	2022	7,5	9,8	x	
87	Lê Thanh	Thiên	Nam	31/3/2004	026204002469	THPT Chuyên Vĩnh Phúc	2022	6,5	8,7		x
88	Đặng Hồ Vân	Trang	Nữ	27/8/2004	054304002200	THPT Chuyên Lương Văn Chánh, Phú Yên	2022	7,0	9,8	x	
89	Nguyễn Thị Thùy	Trang	Nữ	03/12/2004	019304000194	THPT Chuyên Thái Nguyên	2022	7,0	8,9		x
90	Trần Thu	Trang	Nữ	29/10/2004	001304023049	THPT Thăng Long, Hai Bà Trưng, Hà Nội	2022	6,5	9,6		x
91	Ngô Quang	Vinh	Nam	13/01/2004	010204000008	THPT Cầu Giấy, Hà Nội	2022	5,5	8,5		x

Ấn định danh sách: 91 thí sinh.

3. Nhóm đối tượng 3

TT	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD	Nơi học THPT	Năm TNTHPT	ĐTBCN lớp 12 Toán	ĐTBCN lớp 12 Hóa học	ĐTBCN lớp 12 Sinh học	Tổng điểm xét tuyển	Đủ điều kiện trúng tuyển	Không đủ điều kiện trúng tuyển
1	Nguyễn Mỹ	Anh	Nữ	11/05/2004	014304000822	THPT Chuyên Sơn La	2022	9,0	8,4	9,5	26,9	x	
2	Nguyễn Phương	Anh	Nữ	17/01/2004	019304000900	THPT Chuyên TN	2022	9,4	9,2	9,6	28,2	x	
3	Giang Linh	Chi	Nữ	14/01/2004	014304001118	THPT Chuyên Sơn La	2022	9,2	9,6	9,5	28,3	x	
4	Hoàng Mạnh	Dũng	Nam	20/11/2004	019204000782	THPT Chuyên Thái Nguyên	2022	9,2	8,7	8,7	26,6	x	
5	Trần Dương Khánh	Duy	Nam	21/8/2004	019204000874	THPT Chuyên Thái Nguyên	2022	9,3	9,3	9,2	27,8	x	
6	Trần Quang	Đức	Nam	23/11/2004	122427778	THPT Chuyên Bắc Giang	2022	9,5	9,7	9,8	29	x	
7	Lương Xuân	Hiệp	Nam	19/12/2004	034204004251	THPT Chuyên Thái Bình	2022	9,6	9,6	9,0	28,2	x	
8	Trịnh Minh	Hiếu	Nam	07/12/2004	010204001830	THPT Chuyên Lào Cai	2022	9,5	9,6	9,7	28,8	x	
9	Nguyễn Trần	Hiếu	Nam	26/8/2004	017204003640	THPT Chuyên Hoàng Văn Thụ	2022	9,3	9,5	9,6	28,4	x	
10	Lê Minh	Hiếu	Nam	13/10/2004	011204000064	THPT Chuyên Lê Quý Đôn	2022	9,2	9,5	9,2	27,9	x	
11	Nguyễn Minh	Hoàng	Nam	28/12/2003	020203000023	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	2021	9,6	9,5	9,4	28,5	x	
12	Nguyễn Đức	Hoàng	Nam	28/5/2004	040204021519	THPT Chuyên Đại học Vinh	2022	9,5	8,8	9,9	28,2	x	

TT	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD	Nơi học THPT	Năm TNTHPT	ĐTBCN lớp 12 Toán	ĐTBCN lớp 12 Hóa học	ĐTBCN lớp 12 Sinh học	Tổng điểm xét tuyển	Đủ điều kiện trúng tuyển	Không đủ điều kiện trúng tuyển
13	Nguyễn Thế	Huy	Nam	09/5/2004	011204000098	THPT Chuyên Lê Quý Đôn	2022	9,0	9,5	9,1	27,6	x	
14	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	23/4/2004	027304001098	THPT Chuyên Bắc Ninh	2022	9,2	9,7	9,6	28,5	x	
15	Nguyễn Tuấn	Kiệt	Nam	22/7/2004	011204000106	THPT Chuyên Lê Quý Đôn	2022	9,2	9,9	9,8	28,9	x	
16	Đỗ Thùy	Linh	Nữ	11/03/2004	019304000789	THPT Chuyên Thái Nguyên	2022	9,0	9,1	9,7	27,8	x	
17	Phạm Phương	Linh	Nữ	17/8/2004	034304000375	THPT Chuyên Thái Bình	2022	9,5	9,7	9,5	28,7	x	
18	Phạm Bảo	Lộc	Nam	17/12/2003	011203000113	THPT Chuyên Lê Quý Đôn	2021	9,3	9,4	9,2	27,9	x	
19	Nguyễn Thanh	Mai	Nữ	08/5/2004	008304000226	THPT Chuyên Tuyên Quang	2022	9,1	9,5	9,2	27,8	x	
20	Nguyễn Ngọc	Minh	Nữ	23/10/2004	011304000708	THPT Chuyên Lê Quý Đôn	2022	8,6	8,7	9,5	26,8	x	
21	Trần Thảo	My	Nữ	01/6/2004	019304000791	THPT Chuyên Thái Nguyên	2022	8,7	9,2	9,6	27,5	x	
22	Nông Quỳnh	Ngân	Nữ	31/3/2004	006304004945	THPT chuyênBắc Kạn	2022	8,5	8	8,8	25,3	x	
23	Thiều Thị Hạnh	Nguyên	Nữ	19/01/2004	042304001551	THPT Chuyên Hà Tĩnh	2022	9,3	9,3	9,4	28	x	
24	Trần Thảo	Nhi	Nữ	17/10/2004	048304005311	THPT Chuyên Lê Quý Đôn	2022	8,7	9,1	8,8	26,6	x	
25	Lê Thanh	Tùng	Nam	01/11/2004	022204001031	THPT Chu Văn An	2022	8,8	9,4	10	28,2	x	

TT	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD	Nơi học THPT	Năm TNTHPT	ĐTBCN lớp 12 Toán	ĐTBCN lớp 12 Hóa học	ĐTBCN lớp 12 Sinh học	Tổng điểm xét tuyển	Đủ điều kiện trúng tuyển	Không đủ điều kiện trúng tuyển
26	Nguyễn Đức	Trọng	Nam	20/4/2004	019204000851	THPT Chuyên Thái Nguyên	2022	9,5	9,4	9,4	28,3	x	
27	Nguyễn Quốc	Trung	Nam	05/01/2004	019204000800	THPT Chuyên Thái Nguyên	2022	9,2	9,3	9,6	28,1	x	
28	Tăng Đức	Việt	Nam	03/7/2004	030204001236	THPT Chuyên Nguyễn Trãi	2022	9,2	9,8	9,7	28,7	x	
29	Lê Thế	Vinh	Nam	02/7/2004	011204018493	THPT Chuyên Lê Quý Đôn	2022	9,8	9,1	9,5	28,4	x	

Ấn định danh sách 29 thí sinh